

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CHĂN NUÔI
CHUYÊN NGÀNH 1: KHOA HỌC VẬT NUÔI (CN1)
CHUYÊN NGÀNH 2: DINH DƯỠNG VÀ CÔNG NGHỆ THỨC ĂN CHĂN NUÔI (CN2)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
CN03308: BỆNH DINH DƯỠNG VẬT NUÔI (NUTRITIONAL DISORDERS IN ANIMALS)

I. Thông tin về học phần

- Học kì: 7
- Tín chỉ: **02 (Lý thuyết: 2 - Tự học: 6)**
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
 - + Học lý thuyết trên lớp: 30 tiết
 - + Tự học: 90 tiết (theo kế hoạch cá nhân hoặc hướng dẫn của giảng viên)
- Đơn vị phụ trách:
 - Bộ môn: Dinh dưỡng – Thức ăn
 - Khoa: Chăn nuôi
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>				Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>			
		Chuyên ngành 1 <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành 2 <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành 1		Chuyên ngành 2 <input checked="" type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>

- Học phần song hành: không
- Học phần tiên quyết: không
- Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh Tiếng Việt

II. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi

*** Mục tiêu:**

Người học vận dụng được những kiến thức về dinh dưỡng và bệnh dinh dưỡng của động vật vào chăm sóc, nuôi dưỡng, phòng và điều trị bệnh do dinh dưỡng. Người học được rèn luyện các kỹ năng về phát hiện ngăn ngừa các bệnh do dinh dưỡng gây ra và giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của chúng tới hoạt động và môi trường chăn nuôi. Học phần cũng giúp cho người học rèn luyện tinh thần làm việc nghiêm túc, tuân thủ quy định, và tăng cường khả năng thích ứng, chủ động phối hợp làm việc nhóm.

*** Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Kết quả học tập mong đợi của chương trình Cử Nhân Chăn nuôi	
Sau khi hoàn thành chương trình, sinh viên có thể:	
Kiến thức tổng quát	CĐR1: Áp dụng các kiến thức khoa học tự nhiên, xã hội và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại vào lĩnh vực Chăn nuôi
Kiến thức chuyên ngành	CĐR2: Phân tích các yếu tố tác động đến sản xuất giống, dinh dưỡng và chăm sóc sức khỏe vật nuôi
	CĐR3: Đánh giá hiệu quả sản xuất giống, dinh dưỡng, chăm sóc vật nuôi
	CĐR4: Thiết kế các chương trình sản xuất chăn nuôi đảm bảo phát triển bền vững
Kỹ năng tổng quát	CĐR5: Vận dụng tư duy sáng tạo, tư duy phân biện và kỹ năng giải quyết vấn đề trong nghiên cứu khoa học, thực tiễn nghề nghiệp một cách hiệu quả
	CĐR6: Phối hợp làm việc nhóm trong hoạt động chuyên môn đạt mục tiêu đề ra ở vị trí là thành viên hay nhà quản lý
	CĐR7: Giao tiếp hiệu quả bằng đa phương tiện, thích nghi với môi trường đa văn hóa; đạt chuẩn tiếng Anh theo qui định của Bộ GD&ĐT.
Kỹ năng chuyên ngành	CĐR8: Vận dụng các kỹ năng khảo sát, thu thập và xử lý thông tin phục vụ NCKH, phát triển công nghệ và quản lý sản xuất ngành chăn nuôi có hiệu quả
	CĐR9: Ứng dụng kỹ thuật, công nghệ và các mô hình phù hợp vào sản xuất chăn nuôi bền vững
	CĐR10: Sử dụng công nghệ thông tin và các trang thiết bị hiện đại của ngành Chăn nuôi phục vụ sản xuất, kinh doanh đạt mục tiêu đề ra
	CĐR11: Thực hiện thành thạo các qui trình kỹ thuật cơ bản và chuyên sâu trong chăn nuôi
Thái độ và phẩm chất đạo đức	CĐR12: Tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp
	CĐR13: Thể hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường, sức khỏe cộng đồng và tôn trọng phúc lợi động vật
	CĐR14: Thể hiện tinh thần học tập suốt đời

*** Kết quả học tập mong đợi của học phần:**

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

I – Giới thiệu (Introduction); P – Thực hiện (Practice); R – Củng cố (Reinforce); M – Đạt được (Master)

Mã HP	Tên học phần	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT						
		CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7
CN03308	Bệnh dinh dưỡng vật nuôi		M	R				P
		CĐR8	CĐR9	CĐR10	CĐR11	CĐR12	CĐR13	CĐR14
							P	

Ký hiệu	KQHTMD của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	CĐR của CTĐT
Kiến thức		
K1	Phân biệt các bệnh rối loạn dinh dưỡng do thiếu, thừa các chất dinh dưỡng, do chất độc hại trong thức ăn	CĐR 2: Phân tích các yếu tố tác động đến sản xuất giống, dinh dưỡng và chăm sóc sức khỏe vật nuôi
K2	Đánh giá được ảnh hưởng của bệnh dinh dưỡng đến năng suất, chất lượng và hiệu quả chăn nuôi	CĐR3: Đánh giá hiệu quả sản xuất giống, dinh dưỡng, chăm sóc vật nuôi
Kỹ năng		
K3	Sử dụng thành thạo đa phương tiện để thuyết trình các vấn đề liên quan đến bệnh do dinh dưỡng gây ra với vật nuôi	CĐR 7: Giao tiếp hiệu quả bằng đa phương tiện, thích nghi với môi trường đa văn hóa; đạt chuẩn tiếng Anh theo qui định của Bộ GD&ĐT.
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
K4	Thể hiện trách nhiệm nghề nghiệp trong kiểm soát chất lượng TACN nhằm nâng cao sức khỏe vật nuôi và ATVSTP	CĐR 13: Thể hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường, sức khỏe cộng đồng và tôn trọng phúc lợi động vật

III. Nội dung tóm tắt của học phần (Không quá 100 từ)

CN03308. Bệnh dinh dưỡng vật nuôi (2TC: 2 – 0- 6). Một số bệnh do thiếu và thừa các chất dinh dưỡng; Độc tố nấm mốc trong thức ăn chăn nuôi; Kim loại nặng trong thức ăn chăn nuôi và nước uống; Một số chất có hại trong thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc thực vật và động vật; Một số bệnh trao đổi chuyên hoá ở động vật nuôi; Kiểm soát thức ăn và hạn chế một số bệnh do dinh dưỡng.

IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

Phương pháp thuyết giảng kết hợp dạy học dựa trên vấn đề và sử dụng các công trình nghiên cứu trong giảng dạy, có sử dụng e-learning và MS Teams

2. Phương pháp học tập

Sinh viên đọc giáo trình, bài giảng trước khi lên lớp nghe giảng, tìm tài liệu, đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi.

V. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải không vắng quá 25% số tiết.
- Chuẩn bị cho bài giảng: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải mang theo tài liệu môn học khi đến học và đọc trước tài liệu nội dung của bài học.
- Thuyết trình và thảo luận: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tích cực thảo luận trên lớp, tự chuẩn bị thuyết trình các chủ đề được giao.
- Thi cuối kì theo quy định hiện hành.

VI. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Điểm cuối kì là điểm trung bình cộng của những điểm thành phần sau:

- Điểm chuyên cần: 10%
- Điểm kiểm tra giữa kì (rubric 2 thuyết trình nhóm): 30%
- Điểm kiểm tra cuối kì: 60%

3. Phương pháp đánh giá

Rubric đánh giá	KQHTMD được đánh giá	Trọng số (%)	Thời gian/Tuần học
Chuyên cần		10	
Rubic 1: Tham dự lớp	K4	10	1-10
Giữa kỳ		30	
Rubic 2: Đánh giá thuyết trình	K1, K2, K3	30	5-10
Cuối kì		60	
Rubic 3: Thi cuối kì	K1, K2	60	Theo lịch thi chung của HV

Rubic 1: Đánh giá thời gian tham dự

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình 50%	Kém 0%
Thời gian tham dự	100	Không được vắng trên 3 buổi, mỗi buổi tương ứng 10%			

Rubic 2: Đánh giá thuyết trình (theo nhóm)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Nội dung	70	<p>-Cấu trúc: Cấu trúc bài và slides rất hợp lý, rõ ràng</p> <p>-Kỹ năng trình bày: Dẫn dắt vấn đề và lập luận lôi cuốn, thuyết phục</p> <p>Quản lý thời gian: Làm chủ thời gian và hoàn toàn linh hoạt điều chỉnh theo tình huống</p> <p>Trả lời câu hỏi: Các câu hỏi đặt đúng đều được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng</p>	<p>Cấu trúc bài và slides khá hợp lý</p> <p>-Kỹ năng trình bày: Trình bày rõ ràng nhưng chưa lôi cuốn, lập luận khá thuyết phục</p> <p>Quản lý thời gian: Hoàn thành đúng thời gian, thỉnh thoảng có linh hoạt điều chỉnh theo tình huống.</p> <p>Trả lời câu hỏi: Trả lời đúng đa số câu hỏi đặt đúng và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được</p>	<p>Cấu trúc bài và slides tương đối hợp lý</p> <p>-Kỹ năng trình bày: Khó theo dõi nhưng vẫn có thể hiểu được các nội dung quan trọng</p> <p>Quản lý thời gian: Quá thời gian <10 phút</p> <p>Trả lời câu hỏi: Trả lời đúng đa số câu hỏi đặt đúng nhưng chưa nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được</p>	<p>Cấu trúc bài và slides chưa hợp lý</p> <p>-Kỹ năng trình bày: Trình bày không rõ ràng, người nghe không thể hiểu được các nội dung quan trọng</p> <p>Quản lý thời gian: Quá giờ >10 phút</p> <p>Trả lời câu hỏi: Không trả lời được đa số câu hỏi đặt đúng</p>
Ý thức tham gia, sự phối	30	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Không thể hiện sự kết nối trong nhóm

hợp trong nhóm		nhau trong khi báo cáo và trả lời	lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ		
----------------	--	-----------------------------------	------------------------------------	--	--

Rubric 3: Đánh giá cuối kì

Thi cuối kì: dạng bài thi tự luận

Nội dung thi	Chỉ báo thực hiện của học phần được đánh giá qua câu hỏi	KQHTMĐ của môn học được đánh giá qua câu hỏi
Đại cương về bệnh dinh dưỡng	CB1: Phân tích được vai trò và ý nghĩa của các chất dinh dưỡng đối với vật nuôi, chất lượng thức ăn và bệnh dinh dưỡng.	K1, K2
Một số bệnh do thiếu và thừa các chất dinh dưỡng	CB2: Phân tích được vai trò, ảnh hưởng của các chất dinh dưỡng và phân biệt được bệnh do thiếu hoặc thừa chất dinh dưỡng ở vật nuôi.	
Độc tố nấm mốc trong thức ăn chăn nuôi	CB3: Phân tích được tác động của độc tố nấm mốc đến sức khỏe và khả năng sản xuất của vật nuôi và áp dụng được các biện pháp hạn chế, khử độc tố nấm mốc trong thức ăn và vật nuôi.	
Kim loại nặng trong thức ăn chăn nuôi	CB4: Phân tích được nguyên nhân gây nhiễm, các tác hại, và áp dụng được các biện pháp trong phòng và điều trị cho vật nuôi	
Một số chất có hại trong thức ăn chăn nuôi	CB5: Phân tích được ảnh hưởng của một số chất có hại trong thức ăn chăn nuôi và áp dụng được các biện pháp hạn chế ảnh hưởng của chúng.	
Một số bệnh trao đổi chuyển hoá ở động vật nuôi	CB6: Phân tích được nguyên nhân, ảnh hưởng và áp dụng được các biện pháp phòng trị bệnh trao đổi chuyển hóa ở vật nuôi.	

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

Tham dự các bài thi: Không tham gia các bài kiểm tra giữa kì: 0 điểm.

Yêu cầu về đạo đức: Sinh viên đến lớp học cần ăn mặc gọn gàng, thanh lịch, có thái độ tôn trọng, lễ phép và cư xử đúng mực với thầy cô và bạn học. Không sử dụng điện thoại và nói chuyện riêng trong lớp.

VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

* Sách giáo trình/Bài giảng:

1. Phạm Ngọc Thạch (cb), Phạm Thị Lan Hương, Nguyễn Thị Bảy (2019). Giáo trình bệnh do rối loạn dinh dưỡng ở gia súc và gia cầm. Nhà xuất bản Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

* Tài liệu tham khảo khác:

1. Vũ Duy Giảng, Nguyễn Thị Lương Hồng, Tôn Thất Sơn (1997). Dinh dưỡng và Thức ăn gia súc: Dùng cho sinh viên ngành Chăn nuôi Thú y. NXB Nông nghiệp. 259 trang.
2. Phạm Ngọc Thạch. Bài giảng Bệnh rối loạn dinh dưỡng. Thư viện Tư liệu Khoa Thú Y - (Số xếp giá: 636.089 PHT)
3. Đậu Ngọc Hào, Lê Thị Ngọc Diệp (2003). Nấm mốc và độc tố Aflatoxin trong thức ăn chăn nuôi. NXB Nông nghiệp. 212 trang. Trung tâm TTTV Lương Định Của - số xếp giá: 633.73 ĐAH 2013)

VIII. Kế hoạch giảng dạy học phần

Tuần	Nội dung	Kết quả học tập mong đợi
1	Chương 1: Đại cương về bệnh dinh dưỡng	K1, K2, K4

	<p>A/ Các nội dung chính trên lớp: (2 tiết) Nội dung GD lý thuyết: 1.1. Chế độ dinh dưỡng của động vật nuôi 1.2. Chất lượng thức ăn và bệnh dinh dưỡng</p>	
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) 1.3. Sinh viên tự đọc tài liệu liên quan đến nội dung của chương.</p>	
	<p>Chương 2: Một số bệnh do thiếu và thừa các chất dinh dưỡng</p>	K1, K2, K4
2	<p>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (7 tiết) Nội dung GD lý thuyết: 2.1. Bệnh do thiếu, thừa protein, axit amin; 2.2. Bệnh do thiếu, thừa vitamin 2.3. Bệnh do thiếu, thừa khoáng 2.4. Bệnh do thiếu, thừa axit béo quan trọng. 2.5. Mối quan hệ giữa các chất dinh dưỡng với năng suất và sức khoẻ động vật nuôi.</p>	
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (21 tiết) 2.6. Sinh viên tự đọc tài liệu liên quan đến nội dung của chương.</p>	
3	<p>Chương 3: Độc tố nấm mốc trong thức ăn chăn nuôi</p>	K1, K2, K4
	<p>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (6 tiết) Nội dung GD lý thuyết: 3.1. Một số loài nấm sinh độc tố trong thức ăn chăn nuôi 3.2. Độc tố nấm mốc trong nguyên liệu thức ăn chăn nuôi 3.2.1. Một số độc tố nấm mốc trong nguyên liệu thức ăn chăn nuôi 3.2.2. Tác hại của độc tố nấm mốc đến năng suất và sức khoẻ của gia súc, gia cầm 3.3. Định lượng độc tố nấm mốc trong thức ăn chăn nuôi 3.4. Biện pháp kiểm soát, hạn chế và khử độc tố nấm mốc trong thức ăn chăn nuôi</p>	
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (18 tiết) 3.5. Sinh viên tự đọc tài liệu liên quan đến nội dung của chương.</p>	
	<p>Chương 4: Kim loại nặng trong thức ăn chăn nuôi</p>	K1, K2, K4
4	<p>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (5 tiết) Nội dung GD lý thuyết: 4.1. Khái quát kim loại nặng 4.2. Các kim loại nặng trong thức ăn, nước uống và sản phẩm chăn nuôi 4.2.1. Cơ chế tác động, ngộ độc kim loại nặng 4.2.2. Tác hại đến năng suất, sức khoẻ của động vật nuôi 4.2.3. Biện pháp phòng và khử độc kim loại nặng 4.3. Nhu cầu và mức gây độc của kim loại nặng.</p>	
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (15 tiết) 4.4. Sinh viên tự đọc tài liệu liên quan đến nội dung của chương</p>	
	<p>Chương 5: Một số chất có hại trong thức ăn chăn nuôi</p>	K1, K2, K4
5	<p>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (6 tiết) Nội dung GD lý thuyết: 5.1. Chất có hại trong thức ăn nguồn gốc thực vật (HCN, mimosine, solanine, gossypol,...). Phương pháp hạn chế và khử độc. Phương pháp định lượng độc tố có hại trong thức ăn. 5.2. Chất có hại trong thức ăn nguồn gốc động vật</p>	

	<p>5.2.1. NH₃ trong bột cá và bột thịt đến năng suất và sức khoẻ lợn và gia cầm.</p> <p>5.2.2. Bột thịt xương của loài nhai lại và bệnh bò điên</p> <p>5.2.3. Ngộ độc urê ở loài nhai lại</p> <p>5.2.4. Melamin và sức khoẻ động vật.</p>	
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (18 tiết)</p> <p>5.3. Sinh viên tự đọc tài liệu liên quan đến nội dung của chương</p>	
	<p>Chương 6: Một số bệnh trao đổi chuyển hoá ở động vật nuôi</p>	K1, K2, K4
6	<p>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (4 tiết)</p> <p>Nội dung GD lý thuyết:</p> <p>6.1. Ascitis trên gà thịt</p> <p>6.2. Chất dinh dưỡng và hội chứng mô cắn nhau (<i>Canabalism</i>) trên gà nuôi công nghiệp</p> <p>6.3. Khẩu phần ăn và bệnh toan dạ cỏ (<i>acidosis</i>) loài nhai lại.</p>	
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (12 tiết)</p> <p>6.4. Sinh viên tự đọc tài liệu liên quan đến nội dung của chương</p>	
7	<p>Thuyết trình (3 tiết)</p> <p>Thuyết trình theo nhóm với các chủ đề liên quan đến bệnh dinh dưỡng vật nuôi</p>	K1, K2, K3

IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:

- Phòng học: dạy được tối đa 100 sinh viên, gọn gàng và sạch đẹp và có thể truy cập Internet.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: có đầy đủ máy chiếu/projector tốt, có bảng chiếu, bảng viết phấn, máy tăng âm, hệ thống dây ô điện và phích cắm.

X. Các đợt cải tiến

Lần 1 (7/2019):

- Cập nhật thông tin về Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về hàm lượng kim loại nặng, vi sinh vật, độc tố nấm mốc thức ăn chăn nuôi.
- Cập nhật kết quả nghiên cứu xử lý độc tố phorbol ester trong hạt cây Cọc rào làm thức ăn chăn nuôi.
- Đưa phần mềm E-Learning vào giảng dạy
- Cập nhật kết quả nghiên cứu xử lý độc tố HCN trong thân sắn làm thức ăn chăn nuôi.

Lần 2 (7/2020):

- Bổ sung bài giảng
- Sử dụng MS Teams trong giảng dạy học phần

Lần 3 (7/2021):

- Cập nhật thông tin về Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia mới về hàm lượng kim loại nặng, vi sinh vật, độc tố nấm mốc trong nguyên liệu và thức ăn chăn nuôi.
- Sử dụng MS Teams trong giảng dạy và đánh giá học phần

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)

TS. Nguyễn Thị Thuết L.

TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Kim Đăng

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

(Ký và ghi rõ họ tên)

TS. Lê Việt Phương



GS.TS. Phạm Văn Cường

PHỤ LỤC
THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Lê Việt Phương	Học hàm, học vị: TS
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Dinh dưỡng và Thức ăn – Khoa Chăn nuôi, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 098 421 7707
Email: lvphuong@vnua.edu.vn	Trang web: https://www.vnua.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: email, điện thoại (trong giờ hành chính)	

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Đặng Thúy Nhung	Học hàm, học vị: PGS.TS
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Dinh dưỡng và Thức ăn – Khoa Chăn nuôi, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 016 572 698 29/0912 058 396
Email: nhungthuydang@gmail.com	Trang web: https://www.vnua.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: email, điện thoại (trong giờ hành chính)	

